

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN-BỔ SUNG
Học kỳ 1 , năm học 2023 - 2024

Mã học phần: DAC0250.....

Tên học phần: Quản trị chi phí.....

Mã nhóm lớp học phần: 231-DAC0250-01,02.....

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút.....

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- KHÔNG ĐƯỢC PHÉP UPLOAD FILE ẢNH HOẶC FILE EXCEL

PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.5 điểm): Gồm 5 Câu- 0.5 điểm /câu

Câu 1

Công ty ABC phân phối một sản phẩm X duy nhất, giá bán một sản phẩm X là 50\$/sản phẩm và có chi phí biến đổi là 20 \$/sản phẩm. Chi phí cố định hàng tháng của công ty là \$3,000.

Nếu chi phí cố định của công ty tăng thêm \$600, điểm hòa vốn mới của công ty là bao nhiêu sản phẩm?

- A. 120 sản phẩm
- B. 100 sản phẩm
- C. 60 sản phẩm
- D. 150 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 2

Công ty Red sản xuất một sản phẩm duy nhất, một bánh răng đặc biệt được sử dụng trong hộp số tự động. Mỗi bánh răng được bán với giá 50 đô la và công ty bán được 200.000 bánh răng mỗi năm. Dữ liệu chi phí đơn vị được trình bày dưới đây:

	Biến phí	Định phí
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	\$ 15.00	
Chi phí nhân công trực tiếp	\$ 8.00	
Chi phí SXC	\$ 3.00	\$ 6.00
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	\$ 2.00	\$ 5.00

Tính giá thành đơn vị sản phẩm theo phương pháp toàn bộ

- A. \$32
- B. \$26

C. \$28

D. \$37

ANSWER: A

Câu 3

Điều nào sau đây sẽ là thước đo hoạt động chính xác nhất được sử dụng để phân bổ chi phí liên quan đến bộ phận mua hàng của nhà máy?

A. Số lượng đơn đặt hàng được xử lý

B. Số giờ lao động trực tiếp.

C. Số giờ máy

D. Chi phí mua nguyên vật liệu.

ANSWER: A

Câu 4

Bộ phận A sản xuất một chi tiết để bán cho khách hàng bên ngoài. Dữ liệu liên quan đến bộ phận này như sau: Giá bán: 70 ngđ/chi tiết; Biến phí đơn vị: 45 ngđ/chi tiết; Tổng định phí: 100,000 ngđ; Năng lực sản xuất: 1,000 chi tiết.

Bộ phận B của cùng công ty mua 400 chi tiết tương tự ở nhà cung cấp bên ngoài với giá 65 ngđ/chi tiết. Nếu bộ phận B muốn mua 400 chi tiết này từ bộ phận A, và bộ phận A không còn năng lực nhàn rỗi. Khi đó, giới hạn thấp nhất của giá chuyển giao là bao nhiêu?

A. \$70 ngđ/chi tiết

B. \$60 ngđ/chi tiết

C. \$65 ngđ/chi tiết

D. \$45 ngđ/chi tiết

ANSWER: A

Câu 5

Công ty An Bình sản xuất ba loại sản phẩm A, B, C. Số liệu liên quan đến ba sản phẩm này như sau:

	Product		
	A	B	C
Giá bán một sản phẩm	25	18	16
Biến phí đơn vị	5	9	10
Số giờ máy sản xuất một sản phẩm	4	2	4
Nhu cầu tiêu thụ	100	200	150

Nếu công ty bị giới hạn về số giờ máy sản xuất, vậy công ty nên ưu tiên sản xuất sản phẩm nào trước nhất.

A. Sản phẩm A, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất

B. Sản phẩm B, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất

C. Sản phẩm A, vì có số dư đảm phí trên 1 sản phẩm cao nhất

D. Sản phẩm C, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (7.5 điểm) Gồm 3 câu**Câu 1 (4 điểm)**

Công ty Long Minh chuyên cung cấp gói hơi cao cấp, trong tháng 4/2023 công ty được đề nghị ký một hợp đồng có thể có lợi cho công ty với giá bán theo hợp đồng là 150.000đ/chiếc, nhưng số lượng bán chưa xác định. Định phí dự toán trong tháng của

công ty là 30.000.000, biến phí đơn vị/ cái là 90.000đ/ chiếc.

Yêu cầu:

1. Tính số lượng cần bán cho hợp đồng này để có được lợi nhuận mong muốn là 15.000.000đ. (1.5 điểm)
2. Sử dụng cách trả lương cho nhân viên bán hàng theo cách vừa trả lương cố định vừa trả thêm hoa hồng bán hàng là 5.000 đ/ chiếc, thay cho cách trả lương cố định hàng tháng như trước đây, làm cho định phí giảm 6.000.000 đ và biến phí đơn vị tăng lên 5.000đ/ chiếc. Vậy với giá bán và sản lượng vẫn như cũ (như câu 1) thì công ty có nên thay đổi cách trả lương hay không? Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp số dư đảm phí (đủ 3 cột: Tổng, ĐV, %). (2.5 điểm)

Đáp án Câu 1

1. (1.5 điểm)

Sản lượng để đạt được LN mục tiêu = (Định phí + Lợi nhuận)/ số dư đảm phí đơn vị (0.75đ)

$$=(30000000+15000000)/(150000-90000)=750 \text{ sản phẩm}(0.75đ)$$

2. (2.5 điểm)

	Tổng	ĐV	%
Doanh thu	112.500.000	150.000	100%
Biến phí	71.250.000	95.000	63.33%
Số dư đảm phí	41.250.000	55.000	36.67%
Định phí	24.000.000		
Lợi nhuận	17.250.000		
	(1đ)	(0.5đ)	(0.5đ)

Lợi nhuận khi thay đổi cách trả lương tăng so với LN cũ vì vậy cty nên thay đổi cách trả lương (0.5đ)

Câu 2 (1.5 điểm)

Chicken Corporation sản xuất một sản phẩm duy nhất. Năm ngoái, công ty có thu nhập hoạt động ròng theo phương pháp giá thành khả biến là \$60.000. Hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 10.000 đơn vị và 8.000 đơn vị. Nếu chi phí sản xuất cố định là \$3 mỗi đơn vị, thì thu nhập hoạt động ròng sử dụng phương pháp giá thành toàn bộ là bao nhiêu?

Đáp án câu 2:

Ta có tồn kho đầu kỳ 10.000, tồn kho cuối kỳ 8.000=> Tồn đầu kỳ > tồn cuối kỳ (0.5đ)

⇒ LN theo PP toàn bộ < LN theo PP khả biến (0.5đ)

⇒ LN theo PP toàn bộ = LN theo PP khả biến - tỷ lệ phân bổ định phí sxc * (tồn đầu kỳ - tồn cuối kỳ) = 60.000-3*(10.000-8.000) = \$54.000 (0.5đ)

Câu 3 (2 điểm)

Công ty Sao Sáng chuyên sản xuất đồ trang sức theo ý riêng của khách hàng. Trước đây, công ty sử dụng hệ thống phân bổ truyền thống, phân bổ chi phí sản xuất chung theo giờ lao động trực tiếp. Công ty nhận thấy hệ thống phân bổ này đã bóp méo thông tin về chi phí và giá bán, do đó đã chuyển sang sử dụng hệ thống chi phí dựa trên hoạt động (ABC). Thông tin về các khoản chi phí hiện nay của công ty như sau:

<u>Hoạt động</u>	<u>Ước tính chi phí SXC</u>		<u>Ước tính mức hoạt động</u>	
Hỗ trợ nhân công trực tiếp	150.000.000	Đồng	800	Giờ lao động trực tiếp
Máy móc	120.000.000	Đồng	1.250	Giờ máy
Kiểm tra chất lượng	9.000.000	Đồng	12	Số lần kiểm tra

Trong kỳ phát sinh nhiều đơn đặt hàng, trong đó có đơn đặt hàng của khách hàng Tuấn Khôi. Đơn đặt hàng này cần 25.000.000 đồng chi phí NVLTT, 300 giờ lao động trực tiếp với chi phí mỗi giờ là 185.000đ, 200 giờ máy và 2 lần kiểm tra.

Yêu cầu:

Tính tổng giá thành cho đơn đặt hàng của khách hàng Tuấn Khôi, sử dụng hệ thống chi phí dựa trên hoạt động.

Đáp án câu 3:

Bước 1,2: Xác định hoạt động hỗ trợ và phân bổ chi phí chung

Bước 3: Xác định yếu tố phát sinh chi phí - cost driver

Bước 4: Xác định tỷ lệ phân bổ Cp SXC

<i>Các hoạt động</i>	<i>Tổng chi phí</i>	<i>Tổng hoạt động</i>	<i>Đơn vị đo lường</i>	<i>Tỷ lệ phân bổ</i>	<i>ĐV</i>
Lắp ráp	150.000.000	800	Giờ lao động trực tiếp	187,500	\$/giờ lao động
Xử lý đơn đặt hàng	120.000.000	1.250	Giờ máy	96,000	\$/giờ máy
Kiểm tra	9.000.000	12	Số lần kiểm tra	750,000	\$/giờ kiểm tra
	(0.5đ)		(0.5đ)		(0.5đ)

Giá thành sản phẩm của Khách hàng Sao Sáng

Chi phí NVLTT 25.000.000

Chi phí NCTT 55.500.000

Chi phí Chung phân bổ 76.950.000

- Hỗ trợ nhân công trực tiếp 56.250.000

- Máy móc 19.200.000

- Kiểm tra chất lượng 1.500.000

Tổng 157.450.000

(0.5 đ)

Ngày biên soạn: 28/11/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: Lê Như Hoa

Ngày kiểm duyệt: 28/11/2023

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Lê Phan Thanh Hòa

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (0918.01.03.09).